

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
KỸ THUẬT TP.HCM
50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Tp.HCM
ĐT: 39141 904 Fax: 39141 910

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 318 /2010/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2010

GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2010

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
Kính gửi:	
Số: 1467.1	ĐẾN
Già: Ngày 26 tháng 5 năm 2010	

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Ngày 22/04/2010, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII) đã nộp báo cáo tài chính quý 01/2010 đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Tuy nhiên, trong báo cáo tài chính quý 01 năm 2010 của Công ty CII có sự thay đổi về lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ từ 73.590.930.143 đồng lên 73.622.300.861 đồng (là do hợp nhất khoản lợi nhuận lỗ quý 01/2010 của Công ty con là Công ty CP Đầu tư & Phát triển XD Ninh Thuận). Do đó, đã dẫn đến sự thay đổi về lợi nhuận quý 01/2010 và số lũy kế lợi nhuận của Công ty mẹ đến cuối quý 1 năm 2010 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty CII.

Công ty CII giải thích thêm để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và Quý cổ đông của Công ty CII được rõ.

Trân trọng.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
NV.CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Quý 01 năm 2010*

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1	
				Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	53,486,584,133	53,486,584,133	44,311,719,217
2. Các khoản giảm trừ	2		0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		53,486,584,133	53,486,584,133	44,311,719,217
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6,608,306,569	6,608,306,569	150,896,504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		46,878,277,564	46,878,277,564	44,160,822,713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	82,279,375,649	82,279,375,649	36,493,435,431
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15,359,672,804	15,359,672,804	5,338,460,432
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10,886,829,652	10,886,829,652	6,883,511,348
8. Chi phí bán hàng	24		26,147,475,215	26,147,475,215	24,324,310,651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,144,867,143	3,144,867,143	1,931,153,858
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		84,505,638,051	84,505,638,051	49,060,333,203
11. Thu nhập khác	31		226,525,224	226,525,224	1,239,975,426
12. Chi phí khác	32		48,399,902	48,399,902	11,617,465
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		178,125,322	178,125,322	1,228,357,961
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		5,321,240,224	5,321,240,224	
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		90,005,003,597	90,005,003,597	50,288,691,164
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	16,398,388,095	16,398,388,095	1,767,891,216
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		73,606,615,502	73,606,615,502	48,520,799,948

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1	
				Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4	5	6
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-15,685,359	-15,685,359	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		73,622,300,861	73,622,300,861	48,520,799,948
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,030	1,030	1,271

Người lập biểu

Vũ Thị Châu

Kế toán trưởng

Lê Quốc Bình

TP. HCM, ngày tháng năm 2010

Tổng Giám đốc



LÊ VŨ HOÀNG

